TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 139/2018/QĐST-VHNGĐ.	*P, ngày 07 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG – THÁP CHÀM

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 635/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phan Minh H, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường T, Tp. P, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Nguyễn Lê Phương T1, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường T, Tp. P, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30/10/2018 là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Phan Minh H và bà Nguyễn Lê Phương T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Lê Phương T1 có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung là cháu Phan Nguyễn Đình T2, sinh ngày: 26/02/2016. Ông Phan Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000^{đ} *(Năm triệu đồng)*, kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Phan Minh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phan Minh H và bà Nguyễn Lê Phương T1 mỗi người chịu 150.000^{đ} lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm ông H và bà T1 đã nộp là 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu số 0017705 ngày 29/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Ông Phan Minh H và bà Nguyễn Lê Phương T1 đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tỉnh, Thành phố;
- Chi cục THADS Thành phố;
- Các đương sự;
- UBND phường T;
- Lưu (HS, AV).

THẨM PHÁN

Dương Đăng Chương